

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2024
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng và ông Nguyễn Văn Tịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 726/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1/. **Nguyên đơn:** Bà Trần Hồng M, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

2/. **Bị đơn:** Ông Trương Quang B, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà M có đơn vắng mặt, ông B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, bà Trần Hồng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Quang B chung sống với nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

Gành H ngày 21/8/2007 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm sống khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay không còn quan tâm nhau cũng không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay bà xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn với ông Trương Quang B.

Về con chung: Bà M xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Trương Thị Phương Th, sinh năm 1993, hiện nay con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với ông Trương Quang B: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông B vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông B theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà M và ông B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống ông bà bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay bà xác định không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông B, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà M được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà M xác định ông bà có 01 người con chung tên Trương Thị Phương Th, sinh năm 1993, hiện nay con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân gia đình bà M được miễn do trên 60 tuổi và có đơn xin miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Hồng M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông Trương Quang B. Ông B có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà M có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà M và ông B chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Gành H, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà M và ông B thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian chung sống bà M và ông B xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà M xác định ông bà đã sống ly thân không còn quan tâm nhau cũng không tìm được biện pháp hàn gắn. Như vậy mâu thuẫn hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông B là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà M xác định ông bà có 01 người con chung tên Trương Thị Phương Th, sinh năm 1993, hiện nay con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M được miễn do trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng M; Xử cho bà Trần Hồng M được ly hôn với ông Trương Quang Minh.

2/. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/. Về án phí: Bà Trần Hồng M được miễn toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Trần Hồng M và ông Trương Quang B được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- UBND thị trấn Gành Hào;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ H.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

-Và Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông.....

2/. Ông

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Út, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp Bờ Càng, xã Điền Hải, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

2/. Bị đơn: Chị Trần Út Vàng, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Huy Điền, xã Điền Hải, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Phạm Văn Út và chị Trần Út Vàng là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao cháu Phạm Thảo Nguyên, sinh ngày 11/4/2011 cho anh Phạm Văn Út tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Trần Út Vàng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét giải quyết

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: Anh Phạm Văn Út phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001541 ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Phạm Văn Út và chị Trần Út Vàng được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết lúc vào lúc.....giờ.....phút, ngày 08 tháng 7 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA